

TRIỆT HỌC XÃ HỘI VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

Trần Nguyên Việt^(*)

^(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: trannguyenviet@yahoo.com

Nhận ngày 05 tháng 02 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 5 năm 2020.

Tóm tắt: Triết học xã hội là chuyên ngành triết học nghiên cứu các vấn đề về đời sống xã hội với những chức năng và phương pháp đặc thù. Về thực chất, triết học xã hội là sự bổ sung cho hệ thống mở của chủ nghĩa duy vật lịch sử, sự bổ sung đó chính là những yếu tố tích cực được rút ra từ các học thuyết triết học, tâm lý, chủ nghĩa kỹ thuật xuất hiện trong thế kỷ XX. Với tinh thần đó, bài viết phân tích vai trò và vị thế của triết học xã hội đối với đời sống tinh thần con người trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Từ khóa: Triết học, triết học xã hội, chức năng của triết học xã hội, tồn tại xã hội, ý thức xã hội, xã hội học, tâm lý học, chủ nghĩa kỹ thuật, thuyết địa lý, địa chính trị.

1. Triết học và triết học xã hội

Triết học xuất hiện trong lịch sử loài người từ khi tri thức kinh nghiệm không đủ để con người thích nghi với môi trường xã hội và sinh học trong kỳ vọng cải tạo môi trường đó có lợi cho chính bản thân nó. Đặc biệt, vào thời kỳ xuất hiện của khoa học, trong đó có triết học, đồng nghĩa với thời kỳ nhận thức của con người chuyển từ thần thoại sang suy ngẫm triết học khoa học về thế giới xung quanh và vị thế của nó trong thế giới đó, thì triết học xuất hiện gần như đồng thời ở Ấn Độ, Trung Hoa và phương Tây, bất kể ba trung tâm đó cách xa nhau về địa lý. Thật khó có tiêu chí nào được dùng để xác định các hệ thống triết học, các trường phái triết học, song sự xuất hiện hai trung tâm triết học phương Đông

cổ đại với các hình thái thế giới quan được luận chứng một cách rõ ràng, đủ cơ sở lý luận để phản bác lại những định kiến dựa trên quan điểm lấy châu Âu làm trung tâm để coi các nền triết học phương Đông là không đích thực¹.

Quan điểm lấy châu Âu làm trung tâm khẳng định chỉ có những hệ thống triết học mang tính kinh điển (tức tinh khoa học cụ thể) với các nhà triết học châu Âu cổ trung

¹ Triết học phương Đông coi con người là một bộ phận không thể tách rời của vũ trụ; ngoài một số phương án dựa trên thần thoại về sự hình thành vũ trụ, chúng ta còn biết đến các trường phái triết học Ấn Độ cổ đại như Sankhya, Yoga dù xuất phát từ quan điểm nhị nguyên luận (coi các yếu tố tự nhiên - prakriti và yếu tố tinh thần - purusa là nguồn gốc của vũ trụ, thuyết nguyên tử của Vaisheshika), triết học tự nhiên của Dịch, v.v. là bằng chứng rõ rệt về thế giới quan triết học của hai nền triết học này.

đại vốn là những nhà bác học như Talet, Pitago, Oclit, Niuton, v.v., mới là những hệ thống triết học đích thực, còn triết học phương Đông chỉ mang hình thức tiền triết học (paraphilosophy), thậm chí chỉ là manh nha triết học (prophilosophy) vốn có trong các thần thoại, nghệ thuật và tôn giáo. Tuy nhiên, khi xảy ra khuynh hướng phân biệt giữa triết học và các khoa học cụ thể, người ta nhận thấy các ngành khoa học ngày càng thâm nhập vào bản chất của các hiện tượng tự nhiên một cách chuyên biệt, thì triết học với tư cách khoa học về các quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy cũng là lúc buộc nó phải quay trở về với nguồn gốc đích thực của nó. Nói cách khác, triết học được đồng nghĩa với siêu hình học². Chính vì vậy, định nghĩa triết học của chủ nghĩa Mác cho rằng triết học là khoa học về các quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy là hoàn toàn chính xác khi chúng ta coi nó là một khoa học. Vậy ngoài các quy luật chung nhất ấy còn rất nhiều hiện tượng của thế giới không thuộc các quy luật chung nhất có được coi là đối tượng của triết học không? Khoa học càng phát triển thì nhận thức khoa học của các chuyên ngành khoa học cụ thể càng trở nên độc lập hơn, điều đó kéo theo hệ quả là đối tượng của triết học càng bị thu hẹp. Điều đó cũng diễn ra trong chính bản thân triết học, khi chúng ta đang đề cập đến một chuyên ngành hẹp của nó là triết học xã hội.

Tuy nhiên, tổng hòa các quan niệm chung nhất về thế giới nói chung, về các quy luật phổ biến của thế giới trong sự tồn tại và phát triển của nó nói riêng, sẽ làm cho đối tượng của tri thức triết học chỉ còn

là thế giới tự nhiên với những vấn đề chung của nhận thức. Đó là sự cần thiết phải xác định cho triết học xã hội một vị thế xứng đáng với những lát cắt xã hội của tri thức triết học nói chung và các yếu tố cấu thành chính bản thân nó nói riêng. Khi đó bản thể luận xã hội của nó với những đối tượng cụ thể sẽ là bản thể kinh tế, bản thể xã hội theo nghĩa hẹp (hay còn gọi là bản thể xã hội thuần túy), tồn tại sinh thái, tồn tại về mặt dân số, v.v..

Để xác định vị thế của triết học xã hội, thiết nghĩ cần làm rõ chức năng của nó là gì? Như chúng ta đều biết, chức năng của triết học là thế giới quan và phương pháp luận. Thực ra cả hai chức năng này đan xen, thâm nhập vào nhau, do đó, việc chúng ta cần làm là ngoài hai chức năng cơ bản này của triết học nói chung, triết học xã hội cần được bổ sung thêm chức năng nào nữa không.

Cùng với chức năng thế giới quan và liên hệ chặt chẽ với chức năng đó thì triết học xã hội đương nhiên thực hiện chức năng thứ hai, đó là chức năng phương pháp luận. Phương pháp triết học là hệ thống các nguyên lý chung nhất của nghiên cứu lý luận về thực tiễn cuộc sống. Song, nguyên lý không phải đồng nhất, mà khác nhau. Đơn cử hai nhóm phương pháp khác biệt, thậm chí đối lập nhau là phép *biện chứng* và *siêu hình* cũng cho

² Khái niệm "siêu hình học" (metaphisica) không nên hiểu một cách giản đơn về mặt phương pháp luận dùng để chỉ sự đối lập với phép biện chứng, mà là cái đang sau vật lý học - học thuyết triết học về khởi thủy siêu kinh nghiệm và các quy luật của tồn tại nói chung hay một dạng tồn tại nào đó.

chúng ta thấy rõ điều đó. Trong lịch sử triết học, hai phương pháp này luân phiên nhau thống trị bởi đặc thù phát triển của các tri thức khoa học cụ thể, về phần mình, mỗi một khoa học cụ thể lại sử dụng phương pháp triết học với tư cách một hệ thống các nguyên lý chung về cách tiếp cận trong việc nghiên cứu các hiện tượng và sự vật mà nó quan tâm. Trong một thời gian dài điều này khiến chúng ta định hình quan niệm cho rằng, hai chức năng nêu trên về nguyên tắc là đủ cho mọi loại hình triết học, trong đó có triết học xã hội. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, triết học cần phải thực hiện thêm hai chức năng khoa học phổ biến - chức năng *nhân văn* và *văn hóa phổ cập*.

Chức năng nhân văn hướng tới việc giáo dục nhân cách theo tinh thần của chủ nghĩa nhân văn thực tế làm cơ sở luận chứng khoa học cho sự nghiệp giải phóng và hoàn thiện con người. Đa phần các hệ thống, trường phái triết học trong lịch sử đều đặt ra và giải quyết các vấn đề liên quan đến ý nghĩa cuộc sống con người, mối quan hệ giữa con người và thế giới xung quanh. Trong đó, ba vấn đề mà I.Kant đặt ra trong *Phê phán lý tính thuần túy* cũng như việc đi tìm lời giải đáp cho ba vấn đề đó đã trở thành "công việc" muôn đời của triết học, đồng thời cũng phản ánh chức năng nhân văn của nó gồm: "1. Tôi có thể biết điều gì? 2. Tôi cần phải làm gì? 3. Tôi có thể hy vọng vào điều gì?".

Như vậy, triết học nói chung và triết học xã hội nói riêng với các chức năng cơ bản nêu trên, không thể thay thế các khoa học cụ thể trong việc giải quyết các vấn đề

chuyên ngành mang tính đặc thù, do đó nó không thể là khoa học của các khoa học mà trong thời gian dài người ta gán cho nó cái tính toàn năng. Tuy nhiên, điều không thể phủ nhận là triết học đã đem lại cho các khoa học cụ thể sự tổng hợp ý nghĩa thiết thực về mặt thế giới quan và phương pháp luận, nhân văn và văn hóa phổ quát. Các chức năng này đồng thời xác định vị thế của triết học xã hội trong hệ thống các tri thức nhân văn cũng như toàn bộ tri thức khoa học nói chung.

Vậy trong tiến trình phát triển của triết học xã hội, vai trò của các tri thức triết học khác có đóng góp như thế nào để nó trở thành một hệ hình (paradigm) triết học mà chúng ta đang đề cập tới? Đương nhiên, triết học xã hội không phải ngẫu nhiên mà có. Trong lịch sử các học thuyết triết học và cận triết học, chúng ta biết đến xã hội học duy tâm bị thất bại bởi tính siêu hình, xem xét xã hội không phải là một cơ thể xã hội toàn vẹn thống nhất, mà là một cái máy liên hợp được tạo thành từ tổng các chi tiết của nó. Một học thuyết khác do S.Montesquieu đề xướng vào đầu thế kỷ XVIII về tính quyết định luận địa lý. Thuyết quyết định luận địa lý thường ngả về phía chủ nghĩa duy tâm, còn về mặt chính trị thì nó lại trở thành thứ trang bị cho các thế lực phản động. Lịch sử đã từng chứng kiến trường phái triết học xã hội với phạm trù nổi tiếng là *địa chính trị* xuất hiện vào những năm 30 của thế kỷ XX ở Đức. Trường phái này thực hiện đơn hàng xã hội là biện hộ cho chính sách xâm lược của nhà nước quốc xã bởi sự bức bối về các điều kiện địa lý. Khái niệm địa chính trị

hiện nay đang mang ý nghĩa chính trị trong xu thế tranh giành ảnh hưởng và lợi ích trên các điểm nóng của thế giới.

Nói đến triết học xã hội, chúng ta cần phải xem xét vai trò của triết học Mác - Lênin, trong đó chủ nghĩa duy vật lịch sử là một bộ phận không thể tách rời. C.Mác và Ph.Ăngghen hướng chủ nghĩa duy vật vào việc giải thích hình thức phức tạp nhất của sự vận động vật chất, đó là hình thức xã hội. Các ông là những người đầu tiên phân chia các mối quan hệ xã hội thành các quan hệ vật chất và tinh thần, chỉ ra tính có trước của các quan hệ vật chất và tính phái sinh của các quan hệ tinh thần. Theo đó, nguyên lý tính có trước của tồn tại xã hội và tính phái sinh của ý thức xã hội trở thành nguyên lý căn bản của nhận thức duy vật về lịch sử.

Đến nửa cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, bên cạnh chủ nghĩa duy vật lịch sử còn xuất hiện một loạt hệ hình triết học xã hội mới mà chúng ta cần đề cập tới khi xem xét lôgic phát triển của triết học xã hội. Đó là thuyết quyết định luận sinh học, xu hướng tâm lý học và technicism³.

Thuyết quyết định luận sinh học xuất hiện vào nửa cuối thế kỷ XIX, được coi là học thuyết triết học xã hội ngoài mácxít dựa trên nguyên tắc nhận thức đời sống xã hội thông qua các quy luật và phạm trù của sinh học. Xu hướng sinh học trong triết học xã hội xuất hiện trước hết, do những thành tựu to lớn trong sinh học đương thời, đó là sự phát hiện ra tế bào, quy luật chọn lọc tự nhiên và đấu tranh sinh tồn, v.v., sau nữa là sự thất bại của thuyết địa lý mà chủ nghĩa duy vật trong lĩnh vực xã hội học không

chấp nhận sự thất bại đó đề đi tìm các luận cứ mới cho việc chứng minh cơ sở vật chất, tự nhiên trong sự tồn tại và phát triển của xã hội. Trên cơ sở đó làm xuất hiện các xu hướng, như thuyết Đácuyt xã hội với các nguyên lý về chọn lọc tự nhiên và đấu tranh sinh tồn của các nhân tố phát triển xã hội xác định; chủ nghĩa phân biệt chủng tộc với tuyên bố về sự tác động mang tính quyết định của sự khác biệt về chủng tộc đối với lịch sử và văn hóa từng dân tộc cũng như toàn xã hội nói chung; thuyết Phroit, một khuynh hướng giải thích hành vi của cá nhân, những nhóm xã hội và toàn bộ xã hội nói chung trong hoạt động tâm lý vô thức, trong bản năng (trước hết là bản năng tình dục và tự vệ); thuyết Mantuyt và tân Mantuyt về vấn đề mối quan hệ giữa dân số và nghèo đói, lần đầu tiên đưa ra luận chứng lý luận về sự tối ưu hóa sinh sản và tăng dân số; khuynh hướng tâm lý xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX như một hiện tượng phản ứng của tư tưởng xã hội học về sự tầm thường của việc lý giải địa lý và sinh học trong đời sống con người; khuynh hướng chủ nghĩa kỹ thuật cũng là một trong những khuynh hướng cơ bản của triết học xã hội xuất hiện trong thế kỷ XX do T.Weblen khởi xướng tập trung phê phán chủ nghĩa duy vật lịch sử như một học thuyết về chủ nghĩa duy vật kinh tế và phủ nhận vai trò của các nhân tố ngoài kinh tế, như chính trị, đạo đức, nghệ thuật, v.v..

Tuy nhiên, khuynh hướng chủ nghĩa kỹ thuật, thường được hiểu là duy kỹ thuật,

³ *Technicism* - chủ nghĩa kỹ thuật, hay thuyết duy kỹ thuật, là học thuyết đề cao thái quá vai trò của kỹ thuật.

chỉ chú trọng đến phương diện lực lượng sản xuất, đề cao vai trò của kỹ thuật một cách thái quá và bỏ qua các quan hệ sản xuất. Thiết nghĩ không cần phải bàn cãi về vai trò của kỹ thuật trong mọi thời đại, đặc biệt là trong điều kiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, song việc tuyệt đối hóa vai trò và ý nghĩa của kỹ thuật sẽ dẫn tới việc làm giảm khái niệm “điều kiện kỹ thuật của đời sống và sự phát triển xã hội” cũng như việc loại bỏ những biến đổi xã hội căn bản ra khỏi lĩnh vực khoa học công nghệ. Hai yếu tố này có mối liên hệ mật thiết, thậm chí làm tiền đề cho nhau cần được quan tâm đúng mức.

Nói tóm lại, từ việc xem xét lôgic phát triển của triết học xã hội trong lịch sử, chúng ta thấy tính vượt trội của chủ nghĩa duy vật lịch sử so với các khuynh hướng, trào lưu tư tưởng như những hệ hình ít nhiều góp phần vào quá trình phát triển đó của nó. Tuy nhiên, chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách một hệ thống khoa học mở mà các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác từng thừa nhận, không thể tránh khỏi một số hạn chế nhất định, mặc dù nó tích hợp được những mặt tốt nhất mà triết học, kinh tế học, chính trị - xã hội đạt được vào cuối thế kỷ XIX. Nguyên nhân ở chỗ quan niệm duy vật về lịch sử hình thành trong sự đối lập với chủ nghĩa duy tâm xã hội học, làm cho các nhà sáng lập của nó chủ yếu chú trọng đến việc luận chứng các phương diện kinh tế thuộc cơ sở vật chất của đời sống xã hội và do đó, không phải lúc nào cũng đủ thời gian, sức lực và các điều kiện khác để làm rõ vai trò tích cực của các nhân tố ngoài kinh tế, như tâm lý - tinh thần, kỹ nghệ, địa

lý, sinh học - dân số, v.v.. Chính vì vậy, quan niệm duy vật về lịch sử một lần nữa cần phải trở thành một *hệ thống mở* để lựa chọn, bổ sung cho nó những thành tựu tốt nhất từ tư tưởng triết học xã hội hiện đại.

2. Vai trò của triết học xã hội trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng công nghiệp 4.0)

Thuật ngữ “cách mạng công nghiệp lần thứ tư” có nguồn gốc từ thuật ngữ “Công nghiệp 4.0” lần đầu tiên xuất hiện tại hội chợ ở Hannover năm 2011. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư không phải là khái niệm mới, dùng để chỉ sự biến đổi căn bản trong các lĩnh vực *thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học, rôbot và trí tuệ nhân tạo*. Ngày nay, quan niệm về xã hội thông tin là một xã hội mà ở đó loại hình cơ bản của hoạt động xã hội là sản xuất và sử dụng thông tin. Nói cách khác, thông tin trở thành nguồn lực đáng kể nhất, công nghệ thông tin và truyền thông đang trở thành công nghệ nền tảng và cùng với môi trường xã hội, kinh tế các tri thức mới và đổi mới công nghệ đang trở thành nhân tố quyết định.

Ngày từ thế kỷ XIX, khi diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, máy móc đã thay thế con người, dẫn đến sự biến đổi to lớn trong ý thức của con người. Cho tới thập kỷ thứ 2 của thế kỷ XXI, loài người đang chứng kiến sự biến đổi kinh tế - xã hội với tốc độ kinh ngạc. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 làm cho nhiều ngành nghề bị mất khỏi danh mục truyền thống, kéo theo đó là sự phân tầng xã hội giữa những người có trình độ học vấn với những người lao động giản đơn, sự cách biệt về công nghệ giữa các nước phát triển và đang phát triển

ngày càng tăng lên cũng như tạo ra những cơ chế mới của sự tác động qua lại giữa các cá nhân. Sự cách biệt này còn diễn ra giữa các thế hệ, một bên là lớp trẻ sinh ra trong thời “kỹ thuật số” và một bên là thế hệ trước đã và đang phải cố gắng thích nghi với thực tại mới. Điều này làm xuất hiện nhiệm vụ mới của các quốc gia trong việc bồi dưỡng, phổ cập kiến thức mới về lĩnh vực công nghệ cho những người thuộc thế hệ trước, đang được xem là một trong những nhiệm vụ kinh tế căn bản.

Đến giữa thế kỷ XX, loài người đã sớm nhận thấy môi trường sống của mình không chỉ giản đơn là môi trường tự nhiên xung quanh, mà còn có một nhân tố hết sức quan trọng chi phối sự tồn tại của con người, đó là kỹ thuật. Thế giới đương đại đã trở thành một siêu máy tính to lớn, làm cho con người không chỉ sống chung với “cái máy tính đó”, mà còn bắt nó phải lệ thuộc vào chính mình. Vì vậy, nhiệm vụ của triết học hiện đại là làm thế nào để chống lại sự “tha hóa” của con người trong thế giới mới, đồng thời bảo vệ con người và xã hội của nó như bảo vệ các giá trị truyền thống. Để làm được điều đó, triết học cần phải thể hiện trách nhiệm của nó không chỉ về mặt chân lý nhận thức, mà còn về khả năng xác định chiến lược cho sự tồn tại xứng đáng của con người. Dưới tác động của công nghệ hiện đại, chính bản thân con người cũng bị biến đổi, kéo theo sự biến đổi cả ý thức, giá trị, ý nghĩa và lý tưởng trong cuộc sống. Sự biến đổi đó tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến phi nhân văn hóa con người. Trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khi phẩm giá con

người đang bị đe dọa bởi những biến đổi như một tất yếu thì bản thân triết học phải nỗ lực đi tìm không chỉ giải pháp sự hiểu biết của cá nhân vốn có ý nghĩa đối với một con người cụ thể nào đó, mà là tri thức mang tính loài, cần cho sự sống còn và sự tồn tại xứng đáng của loài người nói chung.

Bằng những quan sát giản đơn, chúng ta thấy rất rõ công nghệ hiện đại đã đem lại cho con người nhiều tiện ích trong sinh hoạt. Nó đã làm thay đổi chất lượng cuộc sống theo hướng tích cực ở một số phương diện, như kết nối con người với nhau không phụ thuộc vào khoảng cách trên trái đất này, đến những việc phức tạp hơn như kết nối, điều khiển các phương tiện sinh hoạt cũng như sản xuất từ xa, nâng cao khả năng hoạt động của rô-bốt để thay thế con người, đặc biệt là ở các công việc và môi trường độc hại. Tuy nhiên, ngoài những tiện ích tích cực đó, công nghệ thông tin cũng đem lại cho con người nhiều bất cập, thậm chí là những căn bệnh tâm lý xã hội mà việc cứu chữa rất khó khăn. Chẳng hạn, sự thu hút của thực tại ảo đối với con người, nhất là trẻ em luôn nghiện các trò chơi trên không gian mạng, dẫn đến tình trạng mắc nhiều căn bệnh thần kinh nguy hiểm. Con người bị thu hút bởi các thành tựu của công nghệ hiện đại, muốn khám phá và hiểu biết nhiều hơn về các ứng dụng mới, dẫn tới sao nhãng việc tiếp xúc, chia sẻ với người thân trong gia đình, xã hội về những vấn đề thiết thực. Đó cũng là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng vô cảm của con người trong quan hệ đối với người thân và những người xung quanh.

Những công nghệ mới ngày càng ảnh hưởng mạnh mẽ tới đời sống riêng tư của con người. Ai trong chúng ta cũng đều hiểu điều rằng, những vấn đề riêng tư của con người hết sức quan trọng, song khi thâm nhập vào mạng Internet thì thật khó tránh khỏi sự bộc bạch những điều không đáng tiết lộ về mình cho người lạ. Ngay cả những suy tư mang tính chủ quan, chưa được kiểm định một cách chắc chắn về cuộc sống, từ sinh hoạt đời thường đến các vấn đề chính trị - xã hội, cũng được tung lên, từ đó thu hút những ý kiến trái chiều, kéo theo cả lợi và hại. Trong trường hợp đó, cộng đồng mạng thả sức tung hô hoặc “ném đá”, làm cho cuộc sống của chính chủ thể “chia sẻ” gặp không ít phiền phức, tới mức bị trầm cảm, thậm chí có người đã tìm đến lối thoát tiêu cực là tự tử. Sự mất kiểm soát trong việc chia sẻ thông tin cá nhân, kể cả những việc kín đáo, tế nhị nhất là nguyên nhân làm cho đời sống cá nhân luôn bị mắc kẹt trong bối cảnh phát triển của công nghệ thông tin.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư không chỉ có lĩnh vực thông tin và truyền thông, các lĩnh vực khác như công nghệ sinh học và trí tuệ nhân tạo cũng đang đặt ra cho triết học nhiệm vụ quan trọng trong việc xem xét lại khái niệm con người, bởi lẽ con người từ chỗ sáng tạo ra công nghệ, tới chỗ bị cuốn hút vào những thành quả của nó ngày một phong phú hơn, tinh vi hơn. Nói tóm lại, đời sống con người bị kẹt trong cách mạng công nghệ và để thoát ra khỏi tình trạng đó, con người phải suy nghĩ nhanh hơn, hiệu quả hơn, chất lượng cuộc sống phải tốt hơn. Triết học xã hội trong trường hợp này rõ ràng phải thiết lập nên

một hệ thống các quan điểm mang tính toàn cầu về điều mà công nghệ đã, đang và sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta trên mọi lĩnh vực. Công nghệ dù bất kỳ là loại hình nào, suy cho cùng, đều là những yếu tố cấu thành tồn tại xã hội, trước hết là các điều kiện vật chất của đời sống xã hội và kéo theo đó là ảnh hưởng của nó đến các mối quan hệ vật chất giữa người với người, giữa con người với giới tự nhiên. Chính vì vậy, khái niệm then chốt của đời sống và ý nghĩa của nó hoàn toàn mang tính triết học và xã hội học, nhưng ở đây nó được sử dụng một cách cụ thể hơn theo tinh thần của chủ nghĩa cấu trúc xã hội học, chính xác hơn là xã hội học đời sống.

Xã hội học đời sống là bộ môn khoa học xã hội có mối quan hệ mật thiết với triết học xã hội. Do xã hội học liên quan đến việc nghiên cứu khoa học ứng dụng của một chuyên ngành hẹp, cho nên dẫn đến quan niệm giản đơn về sự đồng nhất giữa triết học với xã hội học để khẳng định vai trò của chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách triết học xã hội của chủ nghĩa Mác có thể thay thế hoàn toàn xã hội học. Mặt khác, cũng có quan niệm coi triết học xã hội với tư cách phương pháp luận đứng ngoài xã hội học để phân biệt với xã hội học như một tổ hợp các tri thức cụ thể về xã hội. Triết học xã hội là thượng tầng phương pháp luận của xã hội học, còn xã hội học giữ vị trí hai tầng còn lại là tầng trung về trình độ lý luận và tầng dưới nữa là những nghiên cứu khoa học ứng dụng với những vấn đề xã hội học cụ thể. Do đó, đối với xã hội học đời sống, ý thức xã hội là ý thức của nhóm xã hội và cá nhân

đang hoạt động hiện thực gồm tổ hợp các tri thức, thông tin, nhu cầu, hành vi, định hướng giá trị, lợi ích cũng như các yếu tố kinh nghiệm khác của đời sống con người.

Tóm lại, triết học xã hội không thể thay thế hay đứng ngoài xã hội học, đặc biệt là xã hội học đời sống, mà phải cung cấp cho chuyên ngành này cơ sở lý luận và phương pháp luận để đối tượng hóa ý thức xã hội, biến nó thành sức mạnh hiện thực bằng hoạt động vật chất và tinh thần của con người. Đó cũng chính là vai trò của triết học xã hội được thực hiện một cách gián tiếp trong việc vật chất hóa ý thức xã hội để ứng phó với những thách thức của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với xã hội, mà một trong những hình thức biến ý thức xã hội thành sức mạnh xã hội là giáo dục. C.Mác từng nói: “Những người công nhân tiên tiến nhất cũng hoàn toàn nhận thức được rằng tương lai của giai cấp họ, và do đó, của cả loài người, hoàn toàn tùy thuộc vào việc giáo dục thế hệ công nhân đang lớn lên. Họ biết rằng trước hết cần phải bảo vệ trẻ em và thiếu niên lao động khỏi sự tác động có tính chất hủy hoại của chế độ hiện nay. Chỉ có thể đạt được điều ấy bằng cách biến ý thức xã hội thành sức mạnh xã hội và trong những điều kiện hiện nay thì điều ấy chỉ có thể đạt được nhờ có các luật pháp chung do chính quyền nhà nước thi hành”⁴.

Tóm lại, triết học xã hội là một chuyên ngành trong hệ thống triết học chung với đối tượng đặc thù là toàn bộ các yếu tố cấu thành nên đời sống vật chất và tinh thần của con người nói riêng, nhóm xã hội và cộng đồng xã hội nói chung. Các yếu tố đó là những bộ phận của tồn tại xã hội,

được ý thức xã hội phản ánh và tác động ngược trở lại một cách tích cực. Tuy triết học xã hội có tiền đề quan trọng là chủ nghĩa duy vật lịch sử, song nó lại không hoàn toàn đồng nhất với tiền đề này, mà được bổ sung và tích hợp những mặt tích cực của xã hội học duy tâm, thuyết quyết định địa lý, quyết định luận sinh học, tâm lý học và chủ nghĩa kỹ thuật. Sự tích hợp đó là hoàn toàn phù hợp với tâm thế của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác khi xác nhận rằng, học thuyết khoa học của các ông là một hệ thống mới. Điều đó hoàn toàn có ý nghĩa đối với triết học xã hội trong việc phân tư trước ảnh hưởng của các cuộc cách mạng công nghiệp, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Sự phân tư của triết học xã hội, theo chúng tôi, là một tất yếu nhằm khắc phục sự tha hóa của con người đang diễn ra do sự tác động của công nghệ thông tin. Con người từ chỗ sáng tạo ra công nghệ tinh vi, vô hình trung đã trở thành nạn nhân của thực tại ảo, của những cuộc chiến tranh tâm lý - thông tin đang tập trung vào đối tượng là hoạt động tinh thần của con người và xã hội. Vì vậy, việc nhận thức vị thế và vai trò của triết học xã hội thông qua chức năng thế giới quan và phương pháp luận, chức năng nhân văn và văn hóa phổ quát của nó có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng trong việc bảo đảm an ninh nhận thức của con người và xã hội trong bối cảnh hiện nay. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc phát triển sáng tạo triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới. □

⁴ C.Mác và Ph.Ăngghen (1994). *Toàn tập*, t.16, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.262-263.